

Số: 152 /QĐ-TP

Cam Phú, ngày 10 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Ban hành Quy chế kiểm tra đánh giá, xếp loại học sinh Năm học 2022 - 2023

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ TRẦN PHÚ

Căn cứ Luật giáo dục 2019 ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT, ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông;

Căn cứ Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT, ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT, ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông;

Căn cứ Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT, ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư 09/2021/TT-BGDĐT, ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên;

Căn cứ quyết định số 766/QĐ.UB ngày 18 tháng 8 năm 2003 của UBND thị xã Cam Ranh về việc thành lập trường THCS Cam Phú – Thị xã Cam Ranh;

Căn cứ Quyết định số 708/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2005 của UBND thị xã Cam Ranh về việc đổi tên các Trường THCS và trường PTCS thuộc thị xã Cam Ranh;

Căn cứ Quyết định số 2263/QĐ-UBND ngày 16/8/2022 về việc Ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2022-2023 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà;

Căn cứ Công văn số 1038/PGDDĐT ngày 20/9/2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Cam Ranh về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2022-2023 đối với Giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Kế hoạch số 158/KH-TP ngày 04/10/2022 của Hiệu trưởng Trường THCS Trần Phú về việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục năm học 2022 - 2023;

Căn cứ chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ của Hiệu trưởng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy chế kiểm tra đánh giá, xếp loại học sinh trường THCS Trần Phú năm học 2022-2023.

Điều 2. Giao cho bộ phận chuyên môn lập kế hoạch, theo dõi, đôn đốc tổ chức thực hiện, kiểm tra và đánh giá việc thực hiện Quy chế kiểm tra đánh giá, xếp loại học sinh của giáo viên trong nhà trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh trường THCS Trần Phú chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT (báo cáo);
- Phó HT (để tổ chức thực hiện);
- Tổ, nhóm CM (hd GV thực hiện);
- Viên chức toàn trường (thực hiện);
- Đăng website trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Tôn Văn Thâm

QUY CHẾ

Kiểm tra đánh giá, xếp loại học sinh năm học 2022 - 2023

(Ban hành kèm theo Quyết định số 152 /QĐ-TP, ngày 10 tháng 10 năm 2022
của Hiệu trưởng trường THCS Trần Phú)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quyết định kèm Quy chế này quy định về đánh giá kết quả rèn luyện và học tập của học sinh trường trung học cơ sở Trần Phú (sau đây gọi chung là học sinh), bao gồm: đánh giá kết quả rèn luyện và học tập của học sinh; sử dụng kết quả đánh giá; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

2. Quyết định này quy định về kiểm tra, đánh giá trong dạy học trực tiếp và trực tuyến

3. Quyết định kèm Quy chế này áp dụng đối với học sinh Trường Trung học cơ sở Trần Phú và các cá nhân có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế kèm Quyết định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Đánh giá kết quả rèn luyện và học tập của học sinh* là hoạt động thu thập, phân tích, xử lý thông tin thông qua quan sát, theo dõi, trao đổi, kiểm tra, nhận xét quá trình rèn luyện và học tập của học sinh trong các môn học bắt buộc, môn học tự chọn, hoạt động giáo dục bắt buộc, nội dung giáo dục của địa phương (sau đây gọi chung là môn học) trong Chương trình giáo dục phổ thông; tư vấn, hướng dẫn, động viên học sinh; xác nhận kết quả đạt được của học sinh; cung cấp thông tin phản hồi cho giáo viên và học sinh để điều chỉnh quá trình dạy học và giáo dục (sau đây gọi chung là dạy học).

2. *Đánh giá thường xuyên* là hoạt động đánh giá kết quả rèn luyện và học tập của học sinh diễn ra trong quá trình thực hiện hoạt động dạy học theo yêu cầu cần đạt được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông; cung cấp thông tin phản hồi cho giáo viên và học sinh để kịp thời điều chỉnh trong quá trình dạy học; hỗ trợ, thúc đẩy sự tiến bộ của học sinh; xác nhận kết quả đạt được của học sinh trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ rèn luyện và học tập.

3. *Đánh giá định kì* là hoạt động đánh giá kết quả rèn luyện và học tập sau một giai đoạn trong năm học nhằm xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ rèn luyện và học tập của học sinh theo yêu cầu cần đạt được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông; cung cấp thông tin phản hồi cho cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên, học sinh để điều chỉnh hoạt động dạy học; xác nhận kết quả đạt được của học sinh.

Điều 3. Mục đích đánh giá

Đánh giá nhằm xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ rèn luyện và học tập của học sinh theo yêu cầu cần đạt được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông; cung cấp

thông tin chính xác, kịp thời để học sinh điều chỉnh hoạt động rèn luyện và học tập, cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên điều chỉnh hoạt động dạy học.

Căn cứ kết quả đánh giá để tổ chức khen thưởng những học sinh đạt thành tích cao trong học tập; công nhận học sinh được lên lớp, lưu ban, kiểm tra, rèn luyện lại trong hè.

Điều 4. Yêu cầu đánh giá

1. Đánh giá căn cứ vào yêu cầu cần đạt được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông.

2. Đánh giá bảo đảm tính chính xác, toàn diện, công bằng, trung thực và khách quan.

3. Đánh giá bằng nhiều phương pháp, hình thức, kỹ thuật và công cụ khác nhau; kết hợp giữa đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì.

4. Đánh giá vì sự tiến bộ của học sinh; coi trọng việc động viên, khuyến khích sự cố gắng trong rèn luyện và học tập của học sinh; không so sánh học sinh với nhau.

Chương II

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN VÀ HỌC TẬP CỦA HỌC SINH

Điều 5. Hình thức đánh giá

1. Đánh giá bằng nhận xét

a) Giáo viên dùng hình thức nói hoặc viết để nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ rèn luyện và học tập của học sinh; nhận xét sự tiến bộ, ưu điểm nổi bật, hạn chế chủ yếu của học sinh trong quá trình rèn luyện và học tập; đánh giá kết quả rèn luyện và học tập của học sinh.

b) Học sinh dùng hình thức nói hoặc viết để tự nhận xét về việc thực hiện nhiệm vụ rèn luyện và học tập, sự tiến bộ, ưu điểm nổi bật, hạn chế chủ yếu của bản thân.

c) Cha mẹ học sinh, cơ quan, tổ chức, cá nhân có tham gia vào quá trình giáo dục học sinh cung cấp thông tin phản hồi về việc thực hiện nhiệm vụ rèn luyện và học tập của học sinh.

d) Đánh giá bằng nhận xét kết quả rèn luyện và học tập của học sinh được sử dụng trong đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì thông qua các hình thức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ rèn luyện và học tập của học sinh phù hợp với đặc thù của môn học.

2. Đánh giá bằng điểm số

a) Giáo viên dùng điểm số để đánh giá kết quả rèn luyện và học tập của học sinh.

b) Đánh giá bằng điểm số được sử dụng trong đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì thông qua các hình thức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ rèn luyện và học tập của học sinh phù hợp với đặc thù của môn học.

3. Hình thức đánh giá đối với các môn học

a) Đánh giá bằng nhận xét đối với các môn học: Giáo dục thể chất, Nghệ thuật, Âm nhạc, Mĩ thuật, Nội dung giáo dục của địa phương, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp;

kết quả học tập theo môn học được đánh giá bằng nhận xét theo 01 (một) trong 02 (hai) mức: Đạt, Chưa đạt.

b) Đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số đối với các môn học trong Chương trình giáo dục phổ thông, trừ các môn học quy định tại điểm a khoản này; kết quả học tập theo môn học được đánh giá bằng điểm số theo thang điểm 10, nếu sử dụng thang điểm khác thì phải quy đổi về thang điểm 10. Điểm đánh giá là số nguyên hoặc số thập phân được lấy đến chữ số thập phân thứ nhất sau khi làm tròn số.

Điều 6. Đánh giá thường xuyên

*** Khối 6, khối 7**

1. Đánh giá thường xuyên được thực hiện thông qua: hỏi - đáp, viết, thuyết trình, thực hành, thí nghiệm, sản phẩm học tập.

2. Đối với một môn học, mỗi học sinh được kiểm tra, đánh giá nhiều lần, trong đó chọn một số lần kiểm tra, đánh giá phù hợp với tiến trình dạy học theo kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn, ghi kết quả đánh giá vào sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) để sử dụng trong việc đánh giá kết quả học tập môn học theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Quyết định kèm Quy chế này, như sau:

a) Đối với môn học đánh giá bằng nhận xét (không bao gồm cụm chuyên đề học tập): mỗi học kì chọn 02 (hai) lần.

b) Đối với môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số (không bao gồm cụm chuyên đề học tập), chọn số điểm đánh giá thường xuyên (sau đây viết tắt là ĐĐG_{tx}) trong mỗi học kì như sau:

- Môn học có 35 tiết/năm học: 02 ĐĐG_{tx}.
- Môn học có trên 35 tiết/năm học đến 70 tiết/năm học: 03 ĐĐG_{tx}.
- Môn học có trên 70 tiết/năm học: 04 ĐĐG_{tx}.

*** Khối 8, khối 9**

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên được thực hiện theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến thông qua: hỏi - đáp, viết, thuyết trình, thực hành, thí nghiệm, sản phẩm học tập;

- Số lần kiểm tra, đánh giá thường xuyên không giới hạn bởi số điểm kiểm tra, đánh giá thường xuyên quy định như sau:

- Môn học có từ 35 tiết trở xuống/năm học: 2 ĐĐG_{tx}
- Môn học có từ trên 35 tiết đến 70 tiết/năm học: 3 ĐĐG_{tx};
- Môn học có từ trên 70 tiết/năm học: 4 ĐĐG_{tx}

*** Lưu ý:**

+ Các môn học Thể dục, Âm nhạc, Mỹ thuật, Tin học, Công nghệ (khối 9) tổ/nhóm chuyên môn có thể ưu tiên kiểm tra đánh giá theo hình thức thực hành.

+ Cột ĐG_{tx} theo hình thức hỏi đáp: Tổ/nhóm có thể kết hợp thêm các hình thức giao nhiệm vụ học tập, sản phẩm, ... để lấy điểm ĐG_{tx} cho học sinh

+ Cột ĐGtx theo hình thức đánh giá quá trình (thực hành; thuyết trình; sản phẩm..): Tổ/nhóm có thể xây dựng kế hoạch thực hiện nhiều giai đoạn, đánh giá kết quả học sinh theo từng giai đoạn. Tổng số điểm ĐGtx theo hình thức đánh giá quá trình là 10 điểm

+ Các hình thức ĐGtx: yêu cầu phải đa dạng, phong phú nhằm mục đích giảm áp lực kiểm tra viết cho học sinh

Điều 7. Đánh giá định kì

*** Khối 6, khối 7**

1. Đánh giá định kì (không thực hiện đối với cụm chuyên đề học tập), gồm đánh giá giữa kì và đánh giá cuối kì, được thực hiện thông qua: bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính), bài thực hành, dự án học tập.

- Thời gian làm bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính) đối với môn học (không bao gồm cụm chuyên đề học tập) có từ 70 tiết/năm học trở xuống là 45 phút, đối với môn học (không bao gồm cụm chuyên đề học tập) có trên 70 tiết/năm học từ 60 phút đến 90 phút;

- Đối với bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính) đánh giá bằng điểm số, đề kiểm tra được xây dựng dựa trên ma trận, đặc tả của đề kiểm tra, đáp ứng theo yêu cầu cần đạt của môn học được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông.

- Đối với bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính) đánh giá bằng nhận xét, bài thực hành, dự án học tập, phải có hướng dẫn và tiêu chí đánh giá theo yêu cầu cần đạt của môn học được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông trước khi thực hiện.

2. Trong mỗi học kì, mỗi môn học đánh giá bằng nhận xét có 01 (một) lần đánh giá giữa kì và 01 (một) lần đánh giá cuối kì.

3. Trong mỗi học kì, mỗi môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số có 01 (một) điểm đánh giá giữa kì (sau đây viết tắt là ĐDG_{gk}) và 01 (một) điểm đánh giá cuối kì (sau đây viết tắt là ĐDG_{ck}).

- Đối với bài kiểm tra ĐG_{gk}:

+ Nội dung kiểm tra ĐG_{gk}: Tổ/nhóm trưởng chuyên môn chủ động xây dựng đề kiểm tra được dựa trên ma trận, đặc tả của đề, đáp ứng theo mức độ cần đạt của môn học, hoạt động giáo dục quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

- Đối với bài kiểm tra ĐG_{ck}: Thực hiện theo kế hoạch của trường

* Lưu ý: Đối với các bài viết (ĐDG_{gk}, ĐDG_{ck}): Tổ trưởng chuyên môn chỉ đạo tổ, nhóm xây dựng nội dung kiểm tra đánh giá sao cho đảm bảo vừa có Kiến thức (lý thuyết), vừa có kiến thức về thực hành; vừa có kiến thức liên quan thực tế cuộc sống.

4. Thời gian kiểm tra: Theo kế hoạch dạy học xây dựng từ đầu năm học đã được Hiệu trưởng phê duyệt

5. Điểm các bài kiểm tra, đánh giá là số nguyên hoặc số thập phân được lấy đến chữ số thập phân thứ nhất sau khi làm tròn số.

6. Những học sinh không tham gia kiểm tra, đánh giá đủ số lần theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này nếu có lí do bất khả kháng thì được kiểm tra, đánh giá bù với yêu cầu cần đạt tương đương với lần kiểm tra, đánh giá còn kiểm tra. Việc kiểm tra, đánh giá bù được thực hiện theo từng học kì.

7. Trường hợp học sinh không tham gia kiểm tra, đánh giá bù theo quy định tại khoản 6 Điều này thì được đánh giá mức Chưa đạt hoặc nhận 0 (không) điểm đối với lần kiểm tra, đánh giá còn kiểm tra.

*** Khối 8, khối 9**

- Kiểm tra, đánh giá định kì được thực hiện sau mỗi giai đoạn giáo dục nhằm đánh giá kết quả học tập, rèn luyện và mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của học sinh theo chương trình môn học, hoạt động giáo dục quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

- Kiểm tra, đánh giá định kì bao gồm kiểm tra, đánh giá giữa kì và kiểm tra, đánh giá cuối kì, được thực hiện thông qua: bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính), bài thực hành, dự án học tập.

+ Thời gian làm bài kiểm tra, đánh giá định kì bằng bài kiểm tra trên giấy hoặc trên máy tính từ 45 phút đến 90 phút. Đề kiểm tra được xây dựng dựa trên ma trận, đặc tả của đề, đáp ứng theo mức độ cần đạt của môn học, hoạt động giáo dục quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

+ Đối với bài thực hành, dự án học tập phải có hướng dẫn và tiêu chí đánh giá trước khi thực hiện.

1. Trong mỗi học kì, một môn học có 01 (một) ĐDG_{gk} và 01 (một) ĐDG_{ck};

- Đối với bài kiểm tra ĐG_{gk}:

+ Thời lượng kiểm tra: Môn Ngữ văn, Toán (90 phút); Môn Tiếng Anh (60 phút). Các môn còn lại (45 phút)

+ Thời gian kiểm tra: Theo kế hoạch dạy học xây dựng từ đầu năm học đã được Hiệu trưởng phê duyệt

+ Kiểm tra tập trung đối với các môn: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh của khối 9.

+ Nội dung kiểm tra ĐG_{gk}: Tổ/nhóm trưởng chuyên môn chủ động xây dựng đề kiểm tra được dựa trên ma trận, đặc tả của đề, đáp ứng theo mức độ cần đạt của môn học, hoạt động giáo dục quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

- Đối với bài kiểm tra ĐG_{ck}: Thực hiện theo kế hoạch của trường

* Lưu ý: Đối với các bài viết (ĐDG_{gk}, ĐDG_{ck}): Tổ trưởng chuyên môn chỉ đạo tổ, nhóm xây dựng nội dung kiểm tra đánh giá sao cho đảm bảo vừa có Kiến thức (lý thuyết), vừa có kiến thức về thực hành; vừa có kiến thức liên quan thực tế cuộc sống.

2. Điểm các bài kiểm tra, đánh giá là số nguyên hoặc số thập phân được lấy đến chữ số thập phân thứ nhất sau khi làm tròn số.

3. Những học sinh không đủ số điểm kiểm tra, đánh giá theo quy định tại khoản 1 Điều này nếu có lí do chính đáng thì được kiểm tra, đánh giá bù bài kiểm tra, đánh giá còn kiểm tra, với hình thức, mức độ kiến thức, kĩ năng và thời gian tương đương. Việc kiểm tra, đánh giá bù được hoàn thành trong từng học kì hoặc cuối năm học.

4. Trường hợp học sinh không có đủ số điểm kiểm tra, đánh giá theo quy định tại khoản 1 Điều này mà không có lí do chính đáng hoặc có lí do chính đáng nhưng không tham gia kiểm tra, đánh giá bù sẽ nhận điểm 0 (không) của bài kiểm tra, đánh giá còn kiểm tra.

Điều 8. Đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh

*** Khối 6, khối 7**

1. Căn cứ và tổ chức đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh

a) Đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh căn cứ vào yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung theo các mức độ phù hợp với môn học, cấp học quy định trong Chương trình tổng thể và yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù quy định trong Chương trình môn học trong Chương trình giáo dục phổ thông.

b) Giáo viên môn học căn cứ quy định tại điểm a khoản này nhận xét, đánh giá kết quả rèn luyện, sự tiến bộ, ưu điểm nổi bật, hạn chế chủ yếu của học sinh trong quá trình rèn luyện và học tập môn học.

c) Giáo viên chủ nhiệm căn cứ quy định tại điểm a khoản này theo dõi quá trình rèn luyện và học tập của học sinh; tham khảo nhận xét, đánh giá của giáo viên môn học, thông tin phản hồi của cha mẹ học sinh, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong quá trình giáo dục học sinh; hướng dẫn học sinh tự nhận xét; trên cơ sở đó nhận xét, đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh theo các mức quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Kết quả rèn luyện của học sinh trong từng học kì và cả năm học

Kết quả rèn luyện của học sinh trong từng học kì và cả năm học được đánh giá theo 01 (một) trong 04 (bốn) mức: Tốt, Khá, Đạt, Chưa đạt.

a) Kết quả rèn luyện của học sinh trong từng học kì

- **Mức Tốt:** Đáp ứng tốt yêu cầu cần đạt về phẩm chất được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông và có nhiều biểu hiện nổi bật.

- **Mức Khá:** Đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông và có biểu hiện nổi bật nhưng chưa đạt được mức Tốt.

- **Mức Đạt:** Đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông.

- **Mức Chưa đạt:** Chưa đáp ứng được yêu cầu cần đạt về phẩm chất được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông hoặc bị xử lý kỷ luật được quy định tại Điều 28 của quy chế này.

b) Kết quả rèn luyện của học sinh cả năm học

- **Mức Tốt:** học kì II được đánh giá mức Tốt, học kì I được đánh giá từ mức Khá trở lên.

- **Mức Khá:** học kì II được đánh giá mức Khá, học kì I được đánh giá từ mức Đạt trở lên; học kì II được đánh giá mức Đạt, học kì I được đánh giá mức Tốt; học kì II được đánh giá mức Tốt, học kì I được đánh giá mức Đạt hoặc Chưa đạt.

- **Mức Đạt:** học kì II được đánh giá mức Đạt, học kì I được đánh giá mức Khá, Đạt hoặc Chưa đạt; học kì II được đánh giá mức Khá, học kì I được đánh giá mức Chưa đạt.

- **Mức Chưa đạt:** Các trường hợp còn lại.

*** Khối 8, khối 9**

1. Căn cứ đánh giá, xếp loại hạnh kiểm

a) Đánh giá hạnh kiểm của học sinh căn cứ vào biểu hiện cụ thể về thái độ và hành vi đạo đức; ứng xử trong mối quan hệ với thầy giáo, cô giáo, cán bộ, công nhân viên, với gia đình, bạn bè và quan hệ xã hội; ý thức phấn đấu vươn lên trong học tập; kết quả tham gia lao động, hoạt động tập thể của lớp, của trường và của xã hội; rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh và bảo vệ môi trường;

b) Kết quả nhận xét các biểu hiện về thái độ, hành vi của học sinh đối với nội dung dạy học môn Giáo dục công dân quy định trong chương trình giáo dục phổ thông cấp THCS do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

2. Xếp loại hạnh kiểm

Hạnh kiểm được xếp thành 4 loại: Tốt (T), khá (K), trung bình (Tb), yếu (Y) sau mỗi học kỳ và cả năm học. Việc xếp loại hạnh kiểm cả năm học chủ yếu căn cứ vào xếp loại hạnh kiểm học kỳ II và sự tiến bộ của học sinh.

a) Loại tốt

- Thực hiện nghiêm túc nội quy nhà trường; chấp hành tốt luật pháp, quy định về trật tự, an toàn xã hội, an toàn giao thông; tích cực tham gia đấu tranh với các hành động tiêu cực, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội;

- Luôn kính trọng thầy giáo, cô giáo, người lớn tuổi; thương yêu và giúp đỡ các em n-) Tích cực rèn luyện phẩm chất đạo đức, có lối sống lành mạnh, giản dị, khiêm tốn; chăm lo giúp đỡ gia đình;

- Hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ học tập, có ý thức vươn lên, trung thực trong cuộc sống, trong học tập;

- Tích cực rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh và bảo vệ môi trường;

- Tham gia đầy đủ các hoạt động giáo dục, các hoạt động do nhà trường tổ chức; tích cực tham gia các hoạt động của Đội Kiểm tra viên tiên phong Hồ Chí Minh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;

- Có thái độ và hành vi đúng đắn trong việc rèn luyện đạo đức, lối sống theo nội dung môn Giáo dục công dân.

b) Loại khá

Thực hiện được những quy định tại Khoản 1 Điều này nhưng chưa đạt đến mức độ của loại tốt; còn có kiểm tra soát nhưng kịp thời sửa chữa sau khi thầy giáo, cô giáo và các bạn góp ý.

c) Loại trung bình

Có một số khuyết điểm trong việc thực hiện các quy định tại Khoản 1 Điều này nhưng mức độ chưa nghiêm trọng; sau khi được nhắc nhở, giáo dục đã tiếp thu, sửa chữa nhưng tiến bộ còn chậm.

d) Loại yếu

Chưa đạt tiêu chuẩn xếp loại trung bình hoặc có một trong các khuyết điểm sau đây:

- Có sai phạm với tính chất nghiêm trọng hoặc lặp lại nhiều lần trong việc thực hiện quy định tại Khoản 1 Điều này, được giáo dục nhưng chưa sửa chữa;
- Vô lễ, xúc phạm nhân phẩm, danh dự, xâm phạm thân thể của giáo viên, nhân viên nhà trường; xúc phạm danh dự, nhân phẩm của bạn hoặc của người khác;
- Gian lận trong học tập, kiểm tra;
- Bị xử lý kỷ luật được quy định tại Điều 28 của quy chế này.
- Đánh nhau, gây rối trật tự, trị an trong nhà trường hoặc ngoài xã hội; vi phạm an toàn giao thông; gây thiệt hại tài sản công, tài sản của người khác.

Điều 9. Đánh giá kết quả học tập của học sinh

* Khối 6, khối 7

1. Kết quả học tập của học sinh theo môn học

- a) Đối với môn học đánh giá bằng nhận xét
- Trong một học kì, kết quả học tập mỗi môn học của học sinh được đánh giá theo 01 (một) trong 02 (hai) mức: Đạt, Chưa đạt.
 - + **Mức Đạt:** Có đủ số lần kiểm tra, đánh giá theo quy định tại Quyết định kèm Quy chế này và tất cả các lần được đánh giá mức Đạt.
 - + **Mức Chưa đạt:** Các trường hợp còn lại.
 - Cả năm học, kết quả học tập mỗi môn học của học sinh được đánh giá theo 01 (một) trong 02 (hai) mức: Đạt, Chưa đạt.
 - + **Mức Đạt:** Kết quả học tập học kì II được đánh giá mức Đạt.
 - + **Mức Chưa đạt:** Kết quả học tập học kì II được đánh giá mức Chưa đạt.
- b) Đối với môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số
- Điểm trung bình môn học kì (sau đây viết tắt là ĐTB_{mhk}) đối với mỗi môn học được tính như sau:

$$\text{ĐTB}_{\text{mhk}} = \frac{\text{TĐĐG}_{\text{tx}} + 2 \times \text{ĐĐG}_{\text{gk}} + 3 \times \text{ĐĐG}_{\text{ck}}}{\text{Số ĐĐG}_{\text{tx}} + 5}$$

TĐĐG_{tx} : Tổng điểm đánh giá thường xuyên.

- Điểm trung bình môn cả năm (viết tắt là ĐTB_{mcn}) được tính như sau:

$$\text{ĐTB}_{\text{mcn}} = \frac{\text{ĐTB}_{\text{mhkI}} + 2 \times \text{ĐTB}_{\text{mhkII}}}{3}$$

ĐTB_{mhkI} : Điểm trung bình môn học kì I.

$\text{ĐTB}_{\text{mhkII}}$: Điểm trung bình môn học kì II.

2. Kết quả học tập trong từng học kì, cả năm học

Đối với môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số, $\overline{DTB}_{mhk}$ được sử dụng để đánh giá kết quả học tập của học sinh trong từng học kì, $\overline{DTB}_{mcn}$ được sử dụng để đánh giá kết quả học tập của học sinh trong cả năm học. Kết quả học tập của học sinh trong từng học kì và cả năm học được đánh giá theo 01 (một) trong 04 (bốn) mức: Tốt, Khá, Đạt, Chưa đạt.

a) Mức Tốt

- Tất cả các môn học đánh giá bằng nhận xét được đánh giá mức Đạt.
- Tất cả các môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số có $\overline{DTB}_{mhk}$, $\overline{DTB}_{mcn}$ từ 6,5 điểm trở lên, trong đó có ít nhất 06 môn học có $\overline{DTB}_{mhk}$, $\overline{DTB}_{mcn}$ đạt từ 8,0 điểm trở lên.

b) Mức Khá

- Tất cả các môn học đánh giá bằng nhận xét được đánh giá mức Đạt.
- Tất cả các môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số có $\overline{DTB}_{mhk}$, $\overline{DTB}_{mcn}$ từ 5,0 điểm trở lên, trong đó có ít nhất 06 môn học có $\overline{DTB}_{mhk}$, $\overline{DTB}_{mcn}$ đạt từ 6,5 điểm trở lên.

c) Mức Đạt

- Có nhiều nhất 01 (một) môn học đánh giá bằng nhận xét được đánh giá mức Chưa đạt.
- Có ít nhất 06 (sáu) môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số có $\overline{DTB}_{mhk}$, $\overline{DTB}_{mcn}$ từ 5,0 điểm trở lên; không có môn học nào có $\overline{DTB}_{mhk}$, $\overline{DTB}_{mcn}$ dưới 3,5 điểm.

d) Mức Chưa đạt: Các trường hợp còn lại.

3. Điều chỉnh mức đánh giá kết quả học tập

Nếu mức đánh giá kết quả học tập của học kì, cả năm học bị thấp xuống từ 02 (hai) mức trở lên so với mức đánh giá quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này chỉ do kết quả đánh giá của duy nhất 01 (một) môn học thì mức đánh giá kết quả học tập của học kì đó, cả năm học đó được điều chỉnh lên mức liền kề.

* Khối 8, khối 9

1. Kết quả học tập của học sinh theo môn học

a) Đối với các môn học đánh giá bằng nhận xét:

- Xếp loại học kỳ
- + **Đạt yêu cầu (Đ):** Có đủ số điểm kiểm tra theo quy định tại các Điều 6 và Điều 7 và 2/3 số bài kiểm tra trở lên được đánh giá mức Đ, trong đó có bài kiểm tra học kỳ.

+ Chưa đạt yêu cầu (CĐ): Các trường hợp còn lại.

- Xếp loại cả năm:

- + **Đạt yêu cầu (Đ):** Cả hai học kỳ xếp loại Đ hoặc học kỳ I xếp loại CĐ, học kỳ II xếp loại Đ.

+ **Chưa đạt yêu cầu (CĐ):** Cả hai học kỳ xếp loại CĐ hoặc học kỳ I xếp loại Đ, học kỳ II xếp loại CĐ.

- Những học sinh có năng khiếu được giáo viên bộ môn ghi thêm nhận xét vào học bạ.

b) Đối với các môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp với đánh giá bằng điểm:

+ Điểm trung bình môn học kì (viết tắt là ĐTB_{mhk}) là trung bình cộng của điểm kiểm tra, đánh giá thường xuyên, điểm kiểm tra, đánh giá giữa kì và điểm kiểm tra, đánh giá cuối kì với các hệ số quy định như sau:

$$\text{ĐTB}_{\text{mhk}} = \frac{\text{TĐĐG}_{\text{tx}} + 2 \times \text{ĐĐG}_{\text{gk}} + 3 \times \text{ĐĐG}_{\text{ck}}}{\text{Số ĐĐG}_{\text{tx}} + 5}$$

TĐĐG_{tx} : Tổng điểm kiểm tra, đánh giá thường xuyên.”.

+ Điểm trung bình môn cả năm (ĐTB_{mcn}) là trung bình cộng của ĐTB_{mhkI} với $\text{ĐTB}_{\text{mhkII}}$, trong đó $\text{ĐTB}_{\text{mhkII}}$ tính hệ số 2:

$$\text{ĐTB}_{\text{mcn}} = \frac{\text{ĐTB}_{\text{mhkI}} + 2 \times \text{ĐTB}_{\text{mhkII}}}{3}$$

+ ĐTB_{mhk} và ĐTB_{mcn} là số nguyên hoặc số thập phân được lấy đến chữ số thập phân thứ nhất sau khi làm tròn số.

c) Đối với các môn chỉ dạy trong một học kỳ thì lấy kết quả đánh giá, xếp loại của học kỳ đó làm kết quả đánh giá, xếp loại cả năm học.

2. Kết quả học tập trong từng học kì, cả năm học

+ Điểm trung bình các môn học kỳ (ĐTB_{hk}) là trung bình cộng của điểm trung bình môn học kỳ của các môn học đánh giá bằng điểm số.

+ Điểm trung bình các môn cả năm học (ĐTB_{cn}) là trung bình cộng của điểm trung bình cả năm của các môn học đánh giá bằng cho điểm.

+ Điểm trung bình các môn học kỳ hoặc cả năm học là số nguyên hoặc số thập phân được lấy đến chữ số thập phân thứ nhất sau khi làm tròn số.

a) Loại giỏi, nếu có đủ các tiêu chuẩn sau đây:

- Điểm trung bình các môn học từ 8,0 trở lên, trong đó điểm trung bình của 1 trong 3 môn Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ từ 8,0 trở lên;

- Không có môn học nào điểm trung bình dưới 6,5;

- Các môn học đánh giá bằng nhận xét đạt loại Đ.

b) Loại khá, nếu có đủ các tiêu chuẩn sau đây:

- Điểm trung bình các môn học từ 6,5 trở lên, trong đó điểm trung bình của 1 trong 3 môn Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ từ 6,5 trở lên;

- Không có môn học nào điểm trung bình dưới 5,0;

- Các môn học đánh giá bằng nhận xét đạt loại Đ.

c) Loại trung bình, nếu có đủ các tiêu chuẩn sau đây:

- Điểm trung bình các môn học từ 5,0 trở lên, trong đó điểm trung bình của 1 trong 3 môn Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh từ 5,0 trở lên;
- Không có môn học nào điểm trung bình dưới 3,5;
- Các môn học đánh giá bằng nhận xét đạt loại Đ.

d) Loại yếu: Điểm trung bình các môn học từ 3,5 trở lên, không có môn học nào điểm trung bình dưới 2,0.

e) Loại kém: Các trường hợp còn lại.

f) Nếu ĐTB_{hk} hoặc ĐTB_{cn} đạt mức của từng loại quy định tại các Khoản 1, 2 điều này nhưng do kết quả của duy nhất một môn học nào đó thấp hơn mức quy định cho loại đó nên học lực bị xếp thấp xuống thì **được điều chỉnh như sau:**

- Nếu ĐTB_{hk} hoặc ĐTB_{cn} đạt mức loại G nhưng do kết quả của duy nhất một môn học nào đó mà phải xuống loại Tb thì được điều chỉnh xếp loại K.
- Nếu ĐTB_{hk} hoặc ĐTB_{cn} đạt mức loại G nhưng do kết quả của duy nhất một môn học nào đó mà phải xuống loại Y thì được điều chỉnh xếp loại Tb.
- Nếu ĐTB_{hk} hoặc ĐTB_{cn} đạt mức loại K nhưng do kết quả của duy nhất một môn học nào đó mà phải xuống loại Y thì được điều chỉnh xếp loại Tb.
- Nếu ĐTB_{hk} hoặc ĐTB_{cn} đạt mức loại K nhưng do kết quả của duy nhất một môn học nào đó mà phải xuống loại Kém thì được điều chỉnh xếp loại Y.

Điều 10. Đánh giá học sinh được miễn học phần thực hành môn Giáo dục thể chất

1. Học sinh gặp khó khăn trong học tập do mắc bệnh mãn tính, bị khuyết tật, bị tai nạn hoặc bị bệnh phải điều trị được miễn học phần thực hành môn Giáo dục thể chất.
2. Hồ sơ xin miễn học phần thực hành môn Giáo dục thể chất gồm có: Đơn xin miễn học của học sinh và bệnh án hoặc giấy chứng nhận thương tật do bệnh viện từ cấp huyện trở lên cấp.
3. Việc cho phép miễn học phần thực hành môn Giáo dục thể chất đối với các trường hợp do bị ốm đau hoặc tai nạn chỉ áp dụng trong năm học; các trường hợp bị bệnh mãn tính, khuyết tật hoặc thương tật lâu dài được áp dụng cho cả năm học hoặc cả cấp học. Hiệu trưởng nhà trường cho phép học sinh được miễn học phần thực hành môn Giáo dục thể chất theo từng học kì hoặc từng năm học.
4. Đối với học sinh được miễn học phần thực hành môn Giáo dục thể chất theo quy định tại Điều này được kiểm tra, đánh giá thay thế bằng nội dung lý thuyết để có đủ số lần kiểm tra, đánh giá theo quy định.

Điều 11. Đánh giá học sinh khuyết tật

1. Việc đánh giá kết quả rèn luyện và học tập của học sinh khuyết tật được thực hiện theo nguyên tắc động viên, khuyến khích sự nỗ lực và tiến bộ của người học.

2. Đối với học sinh khuyết tật học tập theo phương thức giáo dục hòa nhập, kết quả rèn luyện và học tập môn học mà học sinh khuyết tật có khả năng đáp ứng được theo yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông thì được đánh giá như đối với học sinh bình thường nhưng có giảm nhẹ yêu cầu về kết quả rèn luyện và học tập. Những môn học mà học sinh khuyết tật không có khả năng đáp ứng theo yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông thì được đánh giá kết quả thực hiện rèn luyện và học tập theo Kế hoạch giáo dục cá nhân; không kiểm tra, đánh giá những nội dung môn học hoặc môn học được miễn.

3. Đối với học sinh khuyết tật học tập theo phương thức giáo dục chuyên biệt, kết quả rèn luyện và học tập môn học mà học sinh khuyết tật đáp ứng được yêu cầu của chương trình giáo dục chuyên biệt được đánh giá theo quy định dành cho giáo dục chuyên biệt. Những môn học mà học sinh khuyết tật không có khả năng đáp ứng được yêu cầu giáo dục chuyên biệt thì đánh giá kết quả thực hiện rèn luyện và học tập theo Kế hoạch giáo dục cá nhân.

Điều 12. Kiểm tra, đánh giá trong dạy học trực tuyến

1. Kiểm tra đánh giá thường xuyên kết quả học tập trực tuyến của học sinh được thực hiện trong quá trình dạy học. Các hình thức kiểm tra, đánh giá thường xuyên trong dạy học trực tuyến được thực hiện theo quy định về kiểm tra, đánh giá thường xuyên trong dạy học trực tuyến được thực hiện theo quy định về kiểm tra, đánh giá thường xuyên của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Kiểm tra, đánh giá định kỳ kết quả học tập trực tuyến của học sinh được thực hiện trực tiếp tại trường THCS Trần Phú theo quy định về kiểm tra, đánh giá định kỳ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trường hợp học sinh không thể đến trường THCS Trần Phú tại thời điểm kiểm tra, đánh giá định kỳ vì lý do bất khả kháng, việc tổ chức kiểm tra, đánh giá định kỳ được thực hiện bằng hình thức trực tuyến; Hiệu trưởng quyết định lựa chọn hình thức kiểm tra, đánh giá định kỳ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bảo đảm việc kiểm tra, đánh giá, chính xác, công bằng, khách quan, trung thực.

Chương III

BIÊN SOẠN, IN SAO, BẢO MẬT ĐỀ, COI KIỂM TRA VÀ CHẤM, TRẢ BÀI KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Điều 13. Biên soạn đề kiểm tra định kỳ

- Thực hiện biên soạn đề kiểm tra theo đúng hướng dẫn của Phòng GD&ĐT, Sở GD&ĐT. Trong đó đề kiểm tra bao gồm Ma trận, bảng đặc tả (đối với khối lớp thực hiện theo chương trình GDPT 2018), đề kiểm tra và hướng dẫn chấm.

- Nội dung đề kiểm tra phải căn cứ trên chuẩn kiến thức, kỹ năng, phẩm chất và năng lực cần đạt của chương trình GDPT; bám sát vào các văn bản hướng dẫn điều chỉnh nội dung dạy học; bám sát ma trận, bảng đặc tả đã được xây dựng và được thống nhất trong tổ/nhóm chuyên môn.

+ Nội dung đề kiểm tra, đánh giá cần có phần vận dụng liên hệ thực tế; có đủ các mức độ: nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao.

+ Nội dung đề kiểm tra, đánh giá phải phù hợp, tương ứng với thời gian làm bài.

+ Các dẫn chứng sử dụng trong đề kiểm tra (hình ảnh, số liệu, trích dẫn...) phải rõ ràng, chính xác và ghi rõ nguồn trích dẫn.

- Tổ trưởng chuyên môn chỉ đạo tổ/nhóm thảo luận thống nhất nội dung trọng tâm và hình thức của đề kiểm tra giữa kỳ, cuối kỳ và phân công giáo viên trong tổ soạn đề kiểm tra theo qui định, đảm bảo đúng thể thức văn bản (Nghị định 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 03 năm 2020 của Chính phủ)

- Bài kiểm tra có tính điểm được xây dựng theo thang điểm 10, điểm thành phần tối thiểu kiểm tra là 0,25 điểm. Bài kiểm tra theo hình thức thực hành phải có tiêu chí đánh giá cụ thể, rõ ràng. Bài kiểm tra đánh giá bằng nhận xét phải có tiêu chí đánh giá cụ thể, rõ ràng các mức độ Đạt/Chưa đạt.

- Giáo viên được phân công soạn đề kiểm tra, gửi đề qua email về tổ trưởng. Tổ trưởng tổng hợp, duyệt đề và gửi qua email đến phó hiệu trưởng phụ trách công tác chuyên môn.

- Giáo viên được phân công soạn đề kiểm tra chịu trách nhiệm về nội dung và các sai sót của quá trình biên soạn đề (nếu có).

Điều 14. Quy định trách nhiệm về thực hiện đề kiểm tra, duyệt đề kiểm tra và bảo mật đề kiểm tra định kỳ

1. Đối với bài kiểm tra giữa kỳ theo hình thức kiểm tra trong tiết theo thời khoá biểu

- Tổ chuyên môn chịu trách nhiệm xây dựng ma trận, bản đặc tả đề kiểm tra đánh giá.

- Giáo viên phụ trách giảng dạy khối/lớp nào thì chịu trách nhiệm về việc ra đề kiểm tra, đánh giá theo ma trận, bảng đặc tả; bảo mật đề; tổ chức kiểm tra, đánh giá đối với khối/lớp đó.

- Đề kiểm tra thực hiện trong các buổi khác nhau phải khác nhau nhưng đảm bảo sự tương đồng giữa các đề.

2. Đối với bài kiểm tra giữa kỳ theo hình thức kiểm tra tập trung

- Tổ chuyên môn chịu trách nhiệm xây dựng ma trận, bản đặc tả đề kiểm tra đánh giá.

- Giáo viên được tổ phân công xây dựng đề chịu trách nhiệm chính về nội dung khi biên soạn đề.

- Tổ/Nhóm trưởng chịu trách nhiệm duyệt đề và cùng với giáo viên biên soạn đề chịu trách nhiệm bảo mật đề kiểm tra.

- Tổ chức kiểm tra tập trung theo kế hoạch của nhà trường.

3. Đối với bài kiểm tra cuối kỳ theo hình thức kiểm tra trong tiết theo thời khoá biểu: thực hiện như Khoản 1 Điều này.

4. Đối với bài kiểm tra cuối kỳ theo hình thức kiểm tra tập trung

- Bài kiểm tra, đánh giá do Phòng GD&ĐT uỷ quyền cho nhà trường ra: thực hiện như Khoản 2 của Điều này

- Bài kiểm tra, đánh giá do Phòng GD&ĐT ra đề: Phó Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn chịu trách nhiệm về bảo mật đề, tổ chức kiểm tra, đánh giá theo kế hoạch chung phòng GD&ĐT và của nhà trường

Điều 15. Quy định trách nhiệm của các bộ phận in sao đề, làm phách và lưu trữ bài kiểm tra cuối kỳ

- Cán bộ, giáo viên, nhân viên được phân công công tác in sao đề kiểm tra, làm phách và lưu trữ bài kiểm tra có trách nhiệm bảo mật đề kiểm tra trong quá trình in sao đề; bảo mật đầu phách bài kiểm tra.

- Phó Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn chỉ đạo văn thư và chịu trách nhiệm lưu trữ bài kiểm tra. Thời gian lưu trữ bài kiểm tra là một (01) năm.

Điều 16. Quy định tổ chức coi kiểm tra

1. Đối với coi kiểm tra bằng hình thức kiểm tra trong tiết theo thời khoá biểu: giáo viên giảng dạy lớp nào thực hiện coi kiểm tra lớp đó.

- Giáo viên coi kiểm tra phải thực hiện đúng nhiệm vụ và quy chế dành cho cán bộ coi kiểm tra.

2. Đối với coi kiểm tra theo hình thức kiểm tra tập trung

- Giáo viên coi kiểm tra được điều động theo sự phân công của Hiệu trưởng/Phó Hiệu trưởng.

- Giáo viên coi kiểm tra phải thực hiện đúng nhiệm vụ và quy chế dành cho cán bộ coi kiểm tra.

Điều 17. Trách nhiệm của học sinh tham dự kiểm tra

1. Có mặt tại phòng kiểm tra đúng thời gian quy định.

2. Trong mỗi buổi kiểm tra phải chấp hành hiệu lệnh của giáo viên coi kiểm tra.

3. Khi vào phòng kiểm tra phải tuân thủ các quy định sau đây:

a) Chỉ được mang vào phòng kiểm tra bút viết, bút chì, compa, tẩy, thước kẻ, máy tính bỏ túi không có chức năng soạn thảo văn bản, không có thẻ nhớ; các kiểm traết bị thu/phát tín hiệu;

b) Không được mang vào phòng kiểm tra vũ khí, chất gây nổ, gây cháy, đồ uống có cồn, giấy than, bút xoá, tài liệu, kiểm traết bị truyền tin hoặc chứa thông tin có thể lợi dụng để gian lận trong quá trình làm bài kiểm tra.

c) Ngồi đúng vị trí có ghi số báo danh của mình hoặc vị trí do giáo viên coi kiểm tra quy định;

d) Không được trao đổi, quay cốp hoặc có những cử chỉ, hành động gian lận và làm mất trật tự phòng kiểm tra. Muốn phát biểu phải giơ tay để báo cáo giáo viên coi kiểm tra. Khi được phép nói, học sinh đứng trình bày công khai với giáo viên coi kiểm tra ý kiến của mình;

e) Không được đánh dấu hoặc làm ký hiệu riêng, không được viết bằng bút chì trừ vẽ đường tròn bằng compa; chỉ được viết bằng một thứ mực (không được dùng mực màu đỏ);

f) Khi có hiệu lệnh hết giờ làm bài, phải ngừng làm bài ngay;

g) Bảo quản bài kiểm tra nguyên vẹn, không để người khác lợi dụng. Nếu phát hiện có người khác xâm hại đến bài của mình phải báo cáo ngay cho giáo viên coi kiểm tra để xử lý;

h). Khi có sự việc bất thường xảy ra, phải tuyệt đối tuân theo sự hướng dẫn của giáo viên coi kiểm tra.

Điều 18. Trách nhiệm của giáo viên coi kiểm tra.

- Phải có mặt đúng giờ tại Hội đồng coi kiểm tra để làm nhiệm vụ. Trong khi thực hiện nhiệm vụ, không được mang các kiểm traết bị thu phát thông tin; không được làm việc riêng, không được hút thuốc, không được sử dụng các loại đồ uống có cồn;

- Hướng dẫn học sinh ngồi đúng chỗ quy định và kiểm tra các vật dụng học sinh mang vào phòng kiểm tra, tuyệt đối không để học sinh mang vào phòng kiểm tra mọi tài liệu và vật dụng cấm theo quy định tại Điều 17 Quy chế này;

- Bảo vệ đề kiểm tra trong giờ kiểm tra, không để lọt đề ra ngoài phòng kiểm tra.

- Nếu có học sinh sinh vi phạm kỷ luật thì phải lập biên bản xử lý theo đúng quy định. Nếu có tình huống bất thường phải báo cáo ngay cho Chủ tịch Hội đồng coi kiểm tra.

Điều 19. Trách nhiệm của giáo viên thực hiện nhiệm vụ giám sát

- Giám sát việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ của giáo viên coi kiểm tra.

- Kịp thời nhắc nhở giáo viên coi kiểm tra và lập biên bản nếu giáo viên coi kiểm tra vi phạm quy chế;

- Kiến nghị Chủ tịch Hội đồng coi kiểm tra đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ hoặc thay đổi giáo viên coi kiểm tra nếu có vi phạm;

- Yêu cầu giáo viên coi kiểm tra lập biên bản học sinh sinh vi phạm quy chế (nếu có);

- Phối hợp với các đoàn thanh/kiểm tra trong việc thanh/kiểm tra, xử lý vi phạm.

Điều 20. Chấm, trả bài kiểm tra

- Khi chấm các bài kiểm tra đánh giá học sinh: Giáo viên phải chấm cẩn thận, đúng đáp án và biên bản thảo luận, ghi rõ điểm từng câu, điểm toàn bài vào bài làm của học sinh. Giáo viên cần sửa chữa sai sót cho học sinh, ghi nhận xét đầy đủ, đánh giá bài làm của học sinh, giúp học sinh rút kinh nghiệm trong lần kiểm tra tiếp theo.

- Việc chấm, trả bài cho học sinh phải đúng thời gian qui định:

- + Bài kiểm tra đánh giá thường xuyên: trả bài sau 1 tuần kể từ ngày kiểm tra;

- + Bài kiểm tra đánh giá giữa kỳ: Thời gian trả bài được thực hiện chậm nhất là hai tuần kể từ ngày kiểm tra;

- + Bài kiểm tra đánh giá cuối kỳ: Thực hiện theo kế hoạch của nhà trường.

Điều 21. Quản lý điểm bài kiểm tra, đánh giá định kỳ và nhập điểm lên hệ thống vnEdu

- Các bài kiểm tra giữa kỳ do học sinh lưu giữ, riêng đối với bài kiểm tra đánh giá cuối kỳ, giáo viên có trách nhiệm phát bài kiểm tra cho học sinh kiểm tra kết quả, sau đó thu lại và nộp lại cho Phó Hiệu trưởng và gửi văn thư lưu trữ theo qui định.

- Sau khi trả bài cho học sinh, giáo viên phải thực hiện ngay việc nhập điểm lên hệ thống vnEdu. Việc nhập điểm bài kiểm tra định kỳ vào hệ thống vnEdu phải đảm bảo chính xác và đúng tiến độ theo qui định của Lãnh đạo nhà trường.

- Học sinh thắc mắc về điểm kiểm tra định kỳ thì làm đơn xin chấm phúc khảo. Kết quả được thông báo đến học sinh trong thời gian sớm nhất;

- Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng phân công tổ trưởng và các thành viên khác chấm thẩm định bài làm của học sinh khi cần kiểm traết.

Chương IV

SỬ DỤNG KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

Điều 22. Được lên lớp, đánh giá lại trong kì nghỉ hè, không được lên lớp

*** Khối 6, khối 7**

1. Học sinh có đủ các điều kiện dưới đây thì được lên lớp hoặc được công nhận hoàn thành chương trình trung học cơ sở:

a) Kết quả rèn luyện cả năm học (bao gồm kết quả đánh giá lại sau khi rèn luyện trong kì nghỉ hè theo quy định tại Điều 23 Quy chế kèm Quyết định này) được đánh giá mức Đạt trở lên.

b) Kết quả học tập cả năm học (bao gồm kết quả đánh giá lại các môn học theo quy định tại Điều 24 Quy chế kèm Quyết định này) được đánh giá mức Đạt trở lên.

c) Nghỉ học không quá 45 buổi trong một năm học (tính theo kế hoạch giáo dục 01 buổi/ngày được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông, bao gồm nghỉ học có phép và không phép, nghỉ học liên tục hoặc không liên tục).

2. Trường hợp học sinh phải rèn luyện trong kì nghỉ hè thực hiện theo quy định tại Điều 23 Quyết định kèm Quy chế này; học sinh phải kiểm tra, đánh giá lại môn học trong kì nghỉ hè thực hiện theo quy định tại Điều 24 Quy chế kèm Quyết định này.

3. Học sinh không đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều này thì không được lên lớp hoặc không được công nhận hoàn thành chương trình trung học cơ sở.

4. Đối với học sinh khuyết tật: Hiệu trưởng căn cứ kết quả đánh giá học sinh khuyết tật theo quy định tại Điều 11 Quy chế kèm Quyết định này để xét lên lớp hoặc công nhận hoàn thành chương trình trung học cơ sở đối với học sinh khuyết tật.

*** Khối 8, khối 9**

1. Học sinh có đủ các điều kiện dưới đây thì được lên lớp:

a) Hạnh kiểm và học lực từ trung bình trở lên;

b) Nghỉ không quá 45 buổi học trong một năm học (nghỉ có phép hoặc không phép, nghỉ liên tục hoặc nghỉ nhiều lần cộng lại).

2. Học sinh thuộc một trong các trường hợp dưới đây thì không được lên lớp:

a) Nghỉ quá 45 buổi học trong năm học (nghỉ có phép hoặc không phép, nghỉ liên tục hoặc nghỉ nhiều lần cộng lại);

b) Học lực cả năm loại Kém hoặc học lực và hạnh kiểm cả năm loại yếu;

c) Sau khi đã được kiểm tra lại một số môn học, môn đánh giá bằng điểm có điểm trung bình dưới 5,0 hay môn đánh giá bằng nhận xét bị xếp loại CĐ, để xếp loại lại học lực cả năm nhưng vẫn không đạt loại trung bình.

d) Hạnh kiểm cả năm xếp loại yếu, nhưng không hoàn thành nhiệm vụ rèn luyện trong kỳ nghỉ hè nên vẫn bị xếp loại yếu về hạnh kiểm.

3. Xét lên lớp đối với học sinh khuyết tật

Hiệu trưởng căn cứ kết quả học tập các môn học, hoạt động giáo dục của học sinh khuyết tật để xét lên lớp đối với học sinh khuyết tật học theo chương trình giáo dục chung hoặc căn cứ vào kết quả thực hiện Kế hoạch giáo dục cá nhân đối với học sinh khuyết tật không đáp ứng được chương trình giáo dục chung để xét lên lớp."

Điều 23. Rèn luyện trong kì nghỉ hè

*** Khối 6, khối 7**

1. Học sinh có kết quả rèn luyện cả năm học được đánh giá mức Chưa đạt thì phải rèn luyện trong kì nghỉ hè.

2. Hình thức rèn luyện trong kì nghỉ hè do Hiệu trưởng quy định.

3. Căn cứ vào hình thức rèn luyện trong kì nghỉ hè, giáo viên chủ nhiệm giao nhiệm vụ rèn luyện trong kì nghỉ hè cho học sinh và thông báo đến cha mẹ học sinh. Cuối kì nghỉ hè, nếu nhiệm vụ rèn luyện được giáo viên chủ nhiệm đánh giá đã hoàn thành (có báo cáo về quá trình và kết quả thực hiện nhiệm vụ rèn luyện có chữ kí xác nhận của cha mẹ học sinh) thì giáo viên chủ nhiệm đề nghị Hiệu trưởng cho đánh giá lại kết quả rèn luyện cả năm học của học sinh. Kết quả đánh giá lại được sử dụng thay thế cho kết quả rèn luyện cả năm học để xét lên lớp theo quy định tại Điều 22 Quy chế kèm Quyết định này.

*** Khối 8, khối 9**

Học sinh xếp loại học lực cả năm từ trung bình trở lên nhưng hạnh kiểm cả năm học xếp loại yếu thì phải rèn luyện thêm hạnh kiểm trong kỳ nghỉ hè, hình thức rèn luyện do hiệu trưởng quy định. Nhiệm vụ rèn luyện trong kỳ nghỉ hè được thông báo đến gia đình, chính quyền, đoàn thể xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã) nơi học sinh cư trú. Cuối kỳ nghỉ hè, nếu được Ủy ban nhân dân cấp xã công nhận đã hoàn thành nhiệm vụ thì giáo viên chủ nhiệm đề nghị hiệu trưởng cho xếp loại lại về hạnh kiểm; nếu đạt loại trung bình thì được lên lớp.

Điều 24. Kiểm tra, đánh giá lại các môn học trong kì nghỉ hè

*** Khối 6, khối 7**

Đối với những học sinh chưa đủ điều kiện được lên lớp nhưng có kết quả rèn luyện cả năm học được đánh giá từ mức Đạt trở lên, kết quả học tập cả năm học được đánh giá mức Chưa đạt thì được đánh giá lại kết quả học tập các môn học được đánh giá mức Chưa đạt (đối với môn học đánh giá bằng nhận xét) và các môn học có ĐTB_{môn} dưới 5,0 điểm (đối với môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số). Kết quả đánh giá lại

của môn học nào được sử dụng thay thế cho kết quả học tập cả năm học của môn học đó để xét lên lớp theo quy định tại Điều 22 Quy chế kèm Quyết định này.

*** Khối 8, khối 9**

Học sinh xếp loại hạnh kiểm cả năm học từ trung bình trở lên nhưng học lực cả năm học xếp loại yếu, được chọn một số môn học trong các môn học có điểm trung bình cả năm học dưới 5,0 hoặc có kết quả xếp loại CĐ để kiểm tra lại. Kết quả kiểm tra lại được lấy thay thế cho kết quả xếp loại cả năm học của môn học đó để tính lại điểm trung bình các môn cả năm học và xếp loại lại về học lực; nếu đạt loại trung bình thì được lên lớp.

Điều 25. Khen thưởng

*** Khối 6, khối 7**

1. Hiệu trưởng tặng giấy khen cho học sinh

a) Khen thưởng cuối năm học

- Khen thưởng danh hiệu "Học sinh Xuất sắc" đối với những học sinh có kết quả rèn luyện cả năm học được đánh giá mức Tốt, kết quả học tập cả năm học được đánh giá mức Tốt và có ít nhất 06 (sáu) môn học được đánh giá bằng nhận xét kết hợp với đánh giá bằng điểm số có ĐTB_{mcn} đạt từ 9,0 điểm trở lên.

- Khen thưởng danh hiệu "Học sinh Giỏi" đối với những học sinh có kết quả rèn luyện cả năm học được đánh giá mức Tốt và kết quả học tập cả năm học được đánh giá mức Tốt.

b) Khen thưởng học sinh có thành tích đột xuất trong rèn luyện và học tập trong năm học.

2. Học sinh có thành tích đặc biệt được nhà trường xem xét, đề nghị cấp trên khen thưởng.

*** Khối 8, khối 9**

1. Công nhận đạt danh hiệu học sinh giỏi học kì hoặc cả năm học, nếu đạt hạnh kiểm loại tốt và học lực loại giỏi.

2. Công nhận đạt danh hiệu học sinh tiên tiến học kì hoặc cả năm học, nếu đạt hạnh kiểm từ loại khá trở lên và học lực từ loại khá trở lên.

3. Học sinh đạt thành tích nổi bật hoặc có tiến bộ vượt bậc trong học tập, rèn luyện được Hiệu trưởng tặng giấy khen.

Chương V

KHEN THƯỞNG, XỬ LÝ CÁC SỰ CỐ BẤT THƯỜNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM TRONG TỔ CHỨC KIỂM TRA

Điều 26. Khen thưởng viên chức, học sinh có thành tích trong tổ chức kiểm tra

- Tuyên dương trước Hội đồng coi kiểm tra và thông báo đến toàn trường;
- Hiệu trưởng cấp Giấy khen;

Điều 27. Xử lý viên chức tham gia tổ chức kiểm tra và cá nhân liên quan khác vi phạm quy chế kiểm tra, đánh giá học sinh

1. Người tham gia tổ chức kiểm tra có hành vi vi phạm quy chế kiểm tra (bị phát hiện trong kỳ kiểm tra hoặc sau kỳ kiểm tra), sẽ bị đình chỉ làm công tác kiểm tra và đề nghị cơ

quan quản lý cán bộ áp dụng quy định của pháp luật về công chức, viên chức để xử lý kỷ luật theo các hình thức sau đây:

a) Khiển trách đối với những người vi phạm lần đầu các hành vi dưới mức quy định tại các điểm b, c, d khoản này trong khi thực hiện nhiệm vụ.

b) Cảnh cáo đối với những người có hành vi vi phạm một trong các lỗi sau đây:

- Để cho học sinh quay cóp; mang tài liệu và vật dụng trái phép vào phòng kiểm tra được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 17 Quy chế này;

- Chấm kiểm tra không đúng hướng dẫn chấm hoặc cộng điểm bài kiểm tra có nhiều sai sót;

c) Tuỳ theo mức độ vi phạm có thể bị hạ bậc lương, cách chức hoặc chuyển đi làm công tác khác đối với những người có hành vi vi phạm một trong các lỗi sau đây:

- Trực tiếp giải bài kiểm tra hoặc hướng dẫn cho học sinh lúc đang kiểm tra;

- Lấy bài kiểm tra của học sinh này giao cho học sinh khác;

- Gian lận khi chấm kiểm tra, cho điểm không đúng quy định, hoặc cố ý hạ điểm của học sinh.

d) Buộc thôi việc hoặc đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người có một trong các hành vi sai phạm sau đây:

- Đưa đề kiểm tra ra ngoài khu vực kiểm tra hoặc đưa bài giải từ ngoài vào phòng kiểm tra trong lúc đang kiểm tra;

- Làm lộ đề kiểm tra, mua, bán đề kiểm tra;

- Làm lộ số phách bài kiểm tra;

- Sửa chữa, thêm, bớt vào bài làm của học sinh;

- Cố ý chữa điểm trên bài kiểm tra, trên biên bản chấm kiểm tra hoặc trong bảng điểm;

- Đánh tráo bài kiểm tra, số phách hoặc điểm kiểm tra của học sinh;

- Gian dối trong việc sửa chữa học bạ, hồ sơ của học sinh.

e) Người làm mất bài kiểm tra của học sinh khi thu bài kiểm tra, vận chuyển và bảo quản bài kiểm tra, chấm kiểm tra hoặc có những sai phạm khác trong công tác tổ chức kiểm tra, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo một trong các hình thức kỷ luật quy định tại Điều này.

2. Người không tham gia tổ chức kiểm tra nhưng có các hành động như: kiểm tra hộ, tổ chức lấy đề kiểm tra ra và đưa bài giải vào cho học sinh, đưa thông tin sai lệch gây ảnh hưởng xấu đến kỳ kiểm tra, gây rối làm mất trật tự tại khu vực kiểm tra sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính và đề nghị buộc thôi việc.

3. Người tham gia tổ chức kiểm tra và những người có liên quan đến việc tổ chức kiểm tra không phải là viên chức có hành vi vi phạm quy chế kiểm tra (bị phát hiện trong kỳ kiểm tra hoặc sau kỳ kiểm tra), tùy theo mức độ, sẽ bị cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và xử lý theo quy định của pháp luật về lao động; bị đình chỉ học tập có

thời hạn hoặc buộc thôi học (nếu là học sinh) khi có một trong các hành vi sai phạm quy định tại điểm b, c, d, e khoản 1 Điều này.

4. Các hình thức xử lý vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quyết định theo quy trình quy định. Ngoài các hình thức xử lý nêu trên, các cơ quan có thẩm quyền có thể cấm đảm nhiệm những công việc có liên quan đến kiểm tra từ 1 đến 5 năm.

Điều 28. Xử lý học sinh vi phạm quy chế kiểm tra

Mọi vi phạm quy chế kiểm tra đều bị lập biên bản, xử lý kỷ luật và thông báo cho học sinh.

1. Khiển trách đối với những học sinh nhìn bài hoặc trao đổi bài với học sinh khác đã bị nhắc nhở một lần nhưng trong giờ kiểm tra môn đó vẫn tiếp tục vi phạm;. Hình thức này do giáo viên coi kiểm tra quyết định tại biên bản được lập.

2. Cảnh cáo đối với các học sinh vi phạm một trong các lỗi sau đây:

- a) Trao đổi bài làm hoặc giấy nháp với học sinh khác;
- b) Chép bài của học sinh khác hoặc để học sinh khác chép bài của mình.

Hình thức kỷ luật cảnh cáo do giáo viên coi kiểm tra quyết định tại biên bản được lập, kèm tang vật (nếu có).

3. Đình chỉ kiểm tra đối với các học sinh vi phạm một trong các lỗi sau đây:

- a) Đã bị cảnh cáo một lần nhưng trong giờ kiểm tra môn đó vẫn tiếp tục vi phạm quy chế kiểm tra ở mức khiển trách hoặc cảnh cáo;
- b) Mang vật dụng trái phép theo quy định tại điểm b Khoản 3 Điều 17 Quy chế này vào phòng kiểm tra;
- c) Đưa đề kiểm tra ra ngoài phòng kiểm tra hoặc nhận bài giải từ ngoài vào phòng kiểm tra.
- d) Có hành động gây gổ, đe dọa người có trách nhiệm trong kỳ kiểm tra hay đe dọa học sinh khác.

Giáo viên trong phòng kiểm tra lập biên bản, thu tang vật (nếu có) và báo cáo Chủ tịch Hội đồng coi kiểm tra quyết định hình thức đình chỉ kiểm tra.

Chương VI

TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Điều 29. Trách nhiệm của Hiệu trưởng (hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng phân công, ủy quyền một số nhiệm vụ cụ thể)

- 1. Quản lý, hướng dẫn giáo viên, nhân viên, học sinh thực hiện và phổ biến đến cha mẹ học sinh quy định của Quyết định kèm Quy chế này.
- 2. Tổ chức thực hiện việc đánh giá học sinh theo quy định của Quyết định kèm Quy chế này tại trường THCS Trần Phú; chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc đánh giá thường xuyên,

đánh giá định kì của giáo viên; hàng tháng ghi nhận xét và ký xác nhận vào sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học).

3. Kiểm tra, đánh giá việc ghi kết quả vào sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học), sổ theo dõi và đánh giá học sinh (của giáo viên), Học bạ học sinh của giáo viên môn học, giáo viên chủ nhiệm; phê duyệt việc sửa chữa điểm, sửa chữa mức đánh giá của giáo viên môn học khi đã có xác nhận của giáo viên chủ nhiệm.

4. Tổ chức thực hiện kiểm tra, đánh giá định kì các môn học theo quy định tại Quy chế này; kiểm tra, đánh giá lại các môn học theo quy định tại Điều 24 Quy chế này; phê duyệt và công bố danh sách học sinh được lên lớp sau khi có kết quả kiểm tra lại các môn học, kết quả rèn luyện về hạnh kiểm trong kì nghỉ hè.

5. Xét duyệt danh sách học sinh: được lên lớp, đánh giá lại các môn học, rèn luyện trong kì nghỉ hè, không được lên lớp, được khen thưởng. Phê duyệt kết quả đánh giá học sinh trong sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) và Học bạ học sinh sau khi tất cả giáo viên môn học và giáo viên chủ nhiệm đã ghi đầy đủ nội dung.

6. Giải trình, giải quyết thắc mắc, kiến nghị về đánh giá học sinh trong phạm vi và quyền hạn của Hiệu trưởng. Đề nghị các cấp có thẩm quyền quyết định xử lý đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân vi phạm; quyết định khen thưởng theo thẩm quyền, đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc thực hiện Quyết định kèm Quy chế này.

7. Quản lý, lưu trữ hồ sơ kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả học tập của học sinh theo quy định của Quy chế này.

Điều 30. Trách nhiệm của giáo viên môn học

1. Thực hiện đánh giá thường xuyên; tham gia đánh giá định kì theo phân công của Hiệu trưởng; trực tiếp ghi hoặc nhập điểm, mức đánh giá vào Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học), sổ theo dõi và đánh giá học sinh (của giáo viên).

2. Tính điểm trung bình môn học (đối với các môn học kết hợp đánh giá bằng nhận xét và đánh giá bằng điểm số); tổng hợp mức đánh giá (đối với các môn học đánh giá bằng nhận xét) theo học kì, cả năm học; trực tiếp ghi hoặc nhập điểm, mức đánh giá vào sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học), Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (của giáo viên), Học bạ học sinh.

3. Cung cấp thông tin nhận xét về kết quả rèn luyện của học sinh quy định tại khoản 1 Điều 8 Quyết định kèm Quy chế này cho giáo viên chủ nhiệm.

Điều 31. Trách nhiệm của giáo viên chủ nhiệm

1. Giúp Hiệu trưởng quản lí việc đánh giá học sinh của lớp học theo quy định của Quyết định kèm Quy chế này.

2. Xác nhận việc sửa chữa điểm, sửa chữa mức đánh giá của giáo viên môn học; tổng hợp kết quả rèn luyện và học tập của học sinh từng học kì, cả năm học trong Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học), Học bạ học sinh.

3. Đánh giá kết quả rèn luyện từng học kì và cả năm học của học sinh; lập danh sách học sinh được lên lớp, đánh giá lại các môn học, rèn luyện trong kì nghỉ hè, không được lên lớp, được khen thưởng.

4. Ghi hoặc nhập kết quả đánh giá của mỗi học sinh vào sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học), Học bạ học sinh:

a) Nội dung nhận xét về kết quả rèn luyện và học tập của học sinh; mức đánh giá kết quả rèn luyện và học tập của học sinh.

b) Kết quả được lên lớp hoặc không được lên lớp; được công nhận hoàn thành chương trình trung học cơ sở hoặc không được công nhận hoàn thành chương trình trung học cơ sở; khen thưởng.

5. Hướng dẫn học sinh tự nhận xét trong quá trình rèn luyện và học tập. Phối hợp với giáo viên môn học, Đội thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Ban Đại diện cha mẹ học sinh lớp và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để giáo dục học sinh và tiếp nhận thông tin phản hồi về quá trình rèn luyện và học tập của học sinh.

6. Thông báo riêng cho cha mẹ học sinh về quá trình, kết quả rèn luyện và học tập của học sinh.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 32. Hiệu lực thi hành

Quyết định kèm Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 33. Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, các tổ trưởng chuyên môn, tổ chức đoàn thể, giáo viên và tất cả học sinh của Trường THCS Trần Phú chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

-----Hết-----

